

Bản án số: 140/2022/DS - PT
Ngày: 07/06/2022
V/v: “Đòi lại tài sản của dòng họ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/TBTL-TA ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: “Đòi lại tài sản của dòng họ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 15 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1607/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Võ Văn L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 96 đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Hoàng Thị Ngọc A, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số 112/85 đường T, phường T1, quận T2, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Xuân V – Văn phòng Luật sư H1, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số 31 đường L1, phường H2, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam;

Địa chỉ: Số 02 đường T, tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn B – Trưởng phòng Tài

nguyên và môi trường huyện Q (*văn bản ủy quyền lập ngày 28 tháng 8 năm 2020*); có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Võ Thị Thùy Tr, sinh năm 1984;

Địa chỉ: K54/8 đường O, phường T3, quận H3, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông Võ Huy C1, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ 33, phường T1, quận T2, thành phố Đà Nẵng.

Bà Tr, ông C1 ủy quyền cho ông Nguyễn Tr1, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 38 đường C2, phường T3, quận H3, thành phố Đà Nẵng (*văn bản ủy quyền lập ngày 02 tháng 3 năm 2021*); có mặt

4. Ông Nguyễn M, sinh năm 1962; có mặt.

Địa chỉ: thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn trình bày:

Thửa đất số 976, tờ bản đồ số 9 có nguồn gốc của phái nhất, tộc Võ sử dụng cách đây hơn 200 năm để làm nhà thờ phái và trước đây đã sửa chữa nhà thờ nhiều lần. Năm 1994, do nhà thờ hư hỏng nên các anh em trong phái đồng ý góp tiền để sửa chữa lại nhà thờ phái và hằng năm sử dụng gỗ chạp cho đến nay; trên đất hoàn toàn không có tài sản của cá nhân nào khác. Nguyên đơn xác định đất và tài sản trên đất là của họ tộc sử dụng qua nhiều đời. Nguyên đơn khẳng định ông Võ Huy L1 không phải là người sử dụng đất, không phải là chủ sở hữu tài sản trên đất nhưng lại kê khai, đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất 976, tờ bản đồ số 9, tại thôn H4 Tây, xã Q1, huyện Q lại cho phái nhất tộc Võ tại thôn H4 Tây (*thôn H4 mới*), xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam theo diện tích sau đo đạc, thẩm định là 256,7m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Huy L1.

Về quan điểm của bị đơn liên quan đến cây, công bồi trúc đất, nguyên đơn cho rằng: có 01 cây bồ đề, 01 cây sứ, 02 cây mít, 01 cây xoài, 01 cây chanh là của ông Võ Văn Q2, bà Phạm Thị B1 và 01 cây bời lời, 01 cây sấu đông tự mọc, nhưng nguyên đơn không tranh chấp cây trên đất; việc bị đơn đổ đất là mới làm trong thời gian gần đây và cũng không có quyền đổ đất trên đất tranh chấp nên nguyên đơn không đồng ý với quan điểm của bị đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng việc bị đơn đưa ra giá 120.000 đồng/01m³ đất đổ là cao, vì quá trình giải quyết vụ án đã lâu, lợi ích từ nội dung này không lớn nên không đề nghị Tòa án tiến hành thành lập Hội đồng định giá đối với 01m³ giá đất đổ nên nguyên đơn thống nhất tính giá 01m³ đất đổ là 100.000 đồng.

- **Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác định:** diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của ông, bà để lại; trước do ông nội của bị đơn là trưởng tộc nên lo việc thờ cúng và mọi người tập trung lại để thờ cúng chứ chưa có nhà thờ. Trước khi bị đơn đổ đất thì khu vực này có nhà thờ nhưng xuống cấp, là nơi để nhiều phương tiện phục vụ làm nông nghiệp, chưa có xây dựng bình phong như hiện nay. Ngôi nhà thờ là tài sản chung của tộc phái và gia đình bị đơn có đóng góp vào. Nhận thức của bị đơn là nguồn gốc đất tổ tiên để lại nên làm nhà thờ để thờ phụng ông bà, tổ tiên là hợp lý. Ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa hai bên đã thỏa thuận chọn vị trí khác làm nhà thờ trên đất tranh chấp, các thành viên trong tộc đồng thuận ký vào biên bản (*trong đó có ông Võ L*) nhưng sau đó không hiểu vì sao họ (*trong đó có ông L*) thay đổi ý kiến. Việc thỏa thuận của hai bên có 02 biên bản, biên bản sau hai bên đồng ý với kết quả thỏa thuận của biên bản trước; việc thỏa thuận là hợp tình, hợp lý. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bị đơn đã được các thành viên đại diện họ tộc ký vào, xác nhận nguồn gốc đất và đồng ý cho phía bị đơn đề nghị nhà nước cấp bìa. Theo đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn cho rằng các cây trồng trên đất là chanh, bời lời, thầu dầu là của bị đơn và không tranh chấp về tài sản này; bị đơn yêu cầu xem xét quyền lợi của bị đơn đối với công bồi trúc 924,84m³ đất trị giá 111.600.000 đồng (120.000 đồng/m³), tại phiên tòa, bị đơn khẳng định không phản bác quan điểm của nguyên đơn về giá 01m³ đất là 100.000 đồng, không đưa ra mức giá khác nguyên đơn, không đề nghị Tòa án tiến hành thành lập Hội đồng định giá đối với 01m³ giá đất đổ.

Đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tr, ông C1: ông Tr1 đồng ý với quan điểm của bị đơn, xác định đất tranh chấp có nguồn gốc của ông, bà bị đơn để lại cho ông nội bị đơn sử dụng, chính quyền đã cấp bìa hợp pháp công nhận quyền sử dụng của bị đơn; đề nghị Tòa án quan tâm đến nền nhà cũ trên đất tranh chấp có thể hiện trong biên bản thẩm định. Ông Tr1 không phản bác, không có ý kiến gì về giá 01m³ đất đổ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phan Thị B1, Võ Văn Q2, Nguyễn Văn M có tài sản là các cây lâu năm trên đất tranh chấp không có tranh chấp gì với các đương sự trong vụ án và không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi của mình (BL 323, 324, 325).

Người đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Q trình bày: Ủy ban nhân dân huyện Q xác định thực tế sử dụng đất như thế nào thì đo đạc thế đó. Ủy ban nhân dân huyện Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị nguyên đơn xuất trình thêm chứng cứ để chứng minh đất tranh chấp không phải là của gia đình bị đơn.

- **Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:** bản sao các giấy chứng minh nhân dân; biên bản về việc hòa giải tranh chấp đất đai; bản sao tập trích Phổ hệ Tộc

Võ – H4; các giấy xác nhận nguồn gốc ngôi tự đường phái nhất Tộc Võ làng H4; các giấy ủy quyền; bản sao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tờ trình xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, tờ khai mốc thời gian sử dụng đất, đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất; bản sao biên bản họp toàn con cháu phái nhất Tộc Võ Văn để tu sửa lại nhà thờ phái; bản sao biên bản họp phái nhất, tộc Võ Văn, H4, Q1, Q, Quảng Nam; các ảnh chụp liên quan; văn bản số 211/UBND - TPHT ngày 06/7/2020 của Ủy ban nhân dân phường T1; hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Q photo và cung cấp; kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quan điểm trình bày của các đương sự; biên bản công khai chứng cứ và hòa giải; thủ tục tố tụng tại Tòa án và các tài liệu liên quan khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ các điều 26, 37, 92, 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 105, 106, 115, 161, 165, 166, 207, 208, 211, 614, 688 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 3, 52, 76 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2001; các điều 5, 100, 101, 166, 167, 168, 169, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2020/NQ – HĐTP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn L về việc “Đòi lại tài sản của dòng họ”; không chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn đối với quyền sử dụng diện tích đất 127,2m², thuộc thửa 976, tờ bản đồ số 9, tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cho dòng họ Võ thuộc Phái nhất tộc Võ tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Hoàng Thị Ngọc A và những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Huy L1 (bà *Võ Thị Thùy Tr*, ông *Võ Huy C1*) phải trả lại cho dòng họ Võ thuộc Phái nhất tộc Võ tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam diện tích đất **129,5m²** (có tứ cận: mặt tiền giáp đất còn lại thuộc hành lang kênh P2, mặt hậu giáp đất trồng cây lâu năm (7,2m²), cạnh bên giáp đất còn lại của thửa 976, tờ bản đồ số 9, cạnh còn lại giáp đất Võ Thị B2; loại đất, kích thước các cạnh được thể hiện theo bản vẽ đính kèm bản án), thuộc thửa đất số 976, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích thửa đất **256,7m²** (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Huy L1 và bà Hoàng Thị Ngọc A) và tài sản, vật kiến trúc gắn liền với 129,5m² đất là: nhà thờ, sân, bình phong (diện tích 25m²; kết cấu:

nhà thờ tường xây, mái ngói, nền xi măng; sân xi măng, bó nền xây gạch; bình phong xây gạch, trát xi măng); hàng rào xây gạch, trụ bê tông, kéo lưới B40. Các đương sự không tranh chấp cây trồng trên 129,5m² đất.

Quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên 129,5m² đất của dòng họ Võ thuộc Phái nhất tộc Võ tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam được giao thuộc vụ án này là tài sản chung hợp nhất không phân chia.

3. Ông Võ Văn L phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị Ngọc A số tiền **26.236.531** (*hai mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi mốt*) đồng.

4. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp cho ông Võ Huy L1 và bà Hoàng Thị Ngọc A số BX 300596 ngày 26 tháng 11 năm 2015 về nội dung liên quan đến diện tích đất **129,5m²** thuộc quyền quản lý, sử dụng của Phái nhất tộc Võ tại thôn H4 trong thửa đất số 976, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích 256,7m², tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2022, bị đơn bà Hoàng Thị Ngọc A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu: Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với diện tích đất là 27,6m² (*chiều ngang 4m, chiều dài 6,9m*) như đã thỏa thuận tại các Biên bản hòa giải ngày 04/3/2020 và 13/3/2020.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Võ Văn L khởi kiện cho rằng: Thửa đất số 976, tờ bản đồ số 9, có diện tích theo đo đạc, thẩm định là 256,7m², có nguồn gốc của phái nhất, tộc Võ sử dụng làm nhà thờ phái đã hơn 200 năm để và được sửa

chữa nhiều lần và năm 1994, do nhà thờ hư hỏng nên bà con trong họ góp tiền để sửa chữa lại nhà thờ phái và sử dụng cho đến nay. Do vậy, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất 976, tờ bản đồ số 9, tại thôn H4 Tây, xã Q1, huyện Q lại cho phái nhất tộc Võ tại thôn H4 Tây (*thôn H4 mới*), xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam theo diện tích sau đo đạc, thẩm định là 256,7m². Lời khai của nguyên đơn không được bị đơn công nhận; các cây lâu năm không phải do nguyên đơn trồng trên đất (*của các ông bà Nguyễn Văn M, Võ Văn Q2, Phan Thị Ba...*); đồng thời, ngoài lời khai của các nhân chứng là những người trong họ tộc và phần diện tích sử dụng đang tồn tại ngôi nhà thờ được xây dựng năm 1994, tôn tạo thêm vào năm 2017 (*bình phong công trình kiến trúc liên quan*) thì nguyên đơn cũng không có được chứng cứ để chứng minh việc nguyên đơn quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 256,7m². Do đó, khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn L cho rằng toàn bộ diện tích 256,7m² (*thửa đất số 976, tờ bản đồ số 9*) của phái nhất, tộc Võ là chưa đủ căn cứ để tin cậy.

[2] Lời khai của bị đơn bà Hoàng Thị Ngọc A và các ông, bà Võ Thị Thùy Tr, Võ Huy C1 cho rằng đất tranh chấp là của bị đơn và có nguồn gốc thuộc vườn ở và nhà ở của ông Võ Huy C3 (*ông nội*) và cha mẹ bị đơn là Võ Văn M1, Nguyễn Thị V1 để lại cho bị đơn; lời khai của bị đơn và lời khai của bà Tr, ông C1 phù hợp với hình ảnh ngôi nhà cũ do bị đơn cung cấp, phù hợp với lời khai của những người làm chứng: Phạm Đình Th, Phạm S1 (*Ban điều hành phái N4*), Võ Văn Q và Võ Văn H và phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Huy L1 (*đã chết*) và bà Hoàng Thị Ngọc A; đó là:

- Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 30/5/2015 đã: **“thống nhất xác định: Đất do thừa kế của cha mẹ ...thời điểm bắt đầu sử dụng năm 1994...”**.

- Biên bản xác định mốc giới ngày 29/5/2015; đã được các chủ sử dụng đất tiếp giáp xác định ranh giới thửa đất 976, tờ bản đồ số 9 của gia đình ông Võ Huy L1 và không có tranh chấp.

- Biên bản họp Hội đồng tư vấn xã Q1 ngày 01/6/2015, đã xác định: **“Nguồn gốc đất ...do cha mẹ để lại và ông L1 bắt đầu sử dụng từ năm 1994... Hội đồng tư vấn đất xã Q1 thống nhất cho gia đình ông Võ Huy L1 được cấp giấy chứng nhận QSD đất...”**

- Xác nhận của UBND xã Q1 tại tờ khai thời gian sử dụng đất ngày 29/5/2015 là của ông Võ Huy L1: **“Đất do vợ chồng ông thừa kế của cha mẹ... và bắt đầu sử dụng từ năm 1994”**.

Đồng thời, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/01/2021 thể hiện: Trên một phần thửa đất 976, ngoài sự tồn tại một ngôi nhà thờ của dòng họ Phái nhất tộc Võ xây dựng vào năm 1994 thì trên đất còn có 01 nền nhà cũ của gia đình bị đơn: **“Ngoài ra, bên hông nhà thờ (bên phải nhìn từ ngoài vào) có**

một nền nhà cũ”. Mặt khác, tại các biên bản giải quyết đơn tranh chấp của bà A tại UBND xã Q1 vào các ngày 04/3/2020 và 13/3/2020; đại diện các thành viên của dòng họ Võ thuộc Phái nhất tộc Võ tại thôn H4, xã Q1 (*gồm ông: Võ Văn L-Nguyên đơn và các ông Võ Huy L1, Võ X1, Võ Th*) đã đồng ý, thỏa thuận với nội dung “*gia đình bà A thống nhất hiến 1 phần đất trong khuôn viên vườn của mình để làm nhà thờ Phái nhất với diện tích 27,6m² (chiều ngang 4m, chiều dài 6,9m) đã trừ đất hành lang kênh P2 theo quy định*”, “*hai bên có trách nhiệm phối hợp để làm giấy tờ liên quan đến đất nhà thờ phái...*” và sau khi có các thỏa thuận ngày 04/3/2020, 13/3/2020 Phái nhất Tộc Võ tại thôn H4, xã Q1 đã tiến hành đổ vật liệu, đào móng chuẩn bị xây dựng...là đã thể hiện nguyên đơn thừa nhận quyền sử dụng đất của bị đơn đối với diện tích đất tranh chấp. Ngoài ra, trong quá trình sử dụng đất, gia đình bị đơn đã tiến hành đổ đất san nền, xây dựng tường rào bao bọc diện tích đất tranh chấp từ năm 2016 nhưng nguyên đơn cũng như Phái nhất tộc Võ không có tranh chấp, khiếu nại hoặc khởi kiện nên cũng là đã chấp nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Do đó, bị đơn cho rằng diện tích 256,7m² đất tranh chấp (*thửa đất số 976, tờ bản đồ số 9*) là của bị đơn và có nguồn gốc do ông bà, cha mẹ để lại là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, hiện nay trên diện tích đất tranh chấp 256,7m² đang tồn tại ngôi nhà thờ của Phái nhất dòng tộc Võ xây được xây dựng năm 1994 (*tôn tạo thêm vào năm 2017*) và theo lời khai của bị đơn về việc cha của bị đơn là ông Võ Mạo cũng như các thành viên trong gia đình (*trong đó có vợ chồng ông Võ Huy L1*) tự nguyện chuyển quyền sử dụng đất để xây dựng nhà thờ họ Phái nhất tộc Võ: “*cha tôi đồng ý cho chi phái nhất dựng ngôi nhà thờ ...*”, “*trong diện tích 256,7m² cha tôi là ông Mạo cùng một số bà con trong chi nhĩ phái nhất người góp công, người góp của xây dựng nhà thờ phái...*” là đã chấp nhận phạm vi sử dụng đất làm nhà thờ là một phần thửa đất tranh chấp là của Phái nhất dòng tộc Võ và chấp nhận một phần diện tích đất còn lại là của gia đình bị đơn. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/01/2021, ngày 22/10/2021 và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q lập ngày 21/02/2022 (*Thực hiện theo yêu cầu của TAND tỉnh Quảng Nam tại văn bản số 10/CV-DS ngày 17/02/2022*) thể hiện phạm vi hiện trạng diện tích đất có ngôi nhà thờ của Phái nhất dòng tộc Võ có diện tích là 94,80m² (*gồm diện tích nhà thờ, bình phong và đất phía trước nhà thờ...*) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giao cho Phái nhất dòng tộc Võ cả diện tích đất phía sau không có vật kiến trúc, cây lâu năm.. của nhà thờ là không đúng và không phù hợp với nội dung mà gia đình bị đơn chấp nhận như đã nhận định nêu trên. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; công nhận diện tích đất 94,80m² là của Phái nhất dòng tộc Võ và phần diện tích đất tranh chấp còn lại 161,9m² là của gia đình bị đơn Hoàng Thị Ngọc A.

[3] Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đổ đất, san lấp mặt bằng như hiện nay nhưng không chấp nhận khối lượng đất san lấp và đơn giá do bị đơn yêu cầu. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh khối lượng đất san lấp cũng như đơn giá: “*chồng tôi làm, chồng tôi về nói lại với tôi là 120.000 đồng /m³*”. Bên cạnh đó, theo lời khai của bị đơn thì bị đơn đổ đất là để san lấp hồ bom và các hồ do nhân dân lấy đất xây dựng thủy lợi tạo nên nên không đủ căn cứ để tiến hành xác định vị trí san lấp và không thể xác định khối lượng đất đổ vào san lấp.

Bị đơn san lấp mặt bằng đất tranh chấp trong phạm vi một phần diện tích đất tranh chấp ở phía trước (*có phần diện tích 94,80m²*) và một phần nằm trong hành lang của kênh thủy lợi (*11,01m X 21m*) nên việc Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn và xác định phần diện tích đất phía sau nhà thờ 34,7 m² của bị đơn không ảnh hưởng đến quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc buộc nguyên đơn thời trả giá trị tiền san ủi, tôn tạo đất cho gia đình bị đơn 232m³ đất X 100.000 đồng/m³ = 23.200.000 đồng. Do xác định phần đất phía sau nhà thờ 34,7m² là của gia đình bị đơn nên hàng rào của gia đình bị đơn xây dựng nằm trên phần diện tích của Phái nhất dòng tộc Võ có chiều dài là 18,43m được giao cho Phái nhất dòng tộc Võ sở hữu và Phái nhất dòng tộc Võ có trách nhiệm thời trả cho gia đình bị đơn giá trị hàng rào 18,43m là 2.230.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền nguyên đơn có trách nhiệm thời trả cho gia đình bị đơn là 25.430.000 đồng.

[4] Như đã nhận định [1] và [2]; trên một phần thửa đất 976, tờ bản đồ số 9 đã tồn tại một ngôi nhà thờ của Phái nhất dòng tộc Võ tại thôn H4, xã Q1 và diện tích ngôi nhà thờ được xây dựng từ năm 1994, được tu bổ sử dụng vào việc thờ cúng cho đến nay nhưng Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Huy L1 và bà Hoàng Thị Ngọc A toàn bộ diện tích của thửa đất 976, tờ bản đồ số 9 là không đúng hiện trạng sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp cho ông Võ Huy L1 và bà Hoàng Thị Ngọc A liên quan đến diện tích đất đang sử dụng của Phái nhất tộc Võ tại thôn H4 là đúng quy định tại Điều 26, 100 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Từ nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Ngọc A. Do chấp nhận kháng cáo nên bà Hoàng Thị Ngọc A không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Ngọc A và sửa bản án sơ thẩm;

Căn cứ các điều 105, 106, 115, 161, 165, 166, 207, 208, 211, 614, 688 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 3, 52, 76 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2001; các điều 5, 100, 101, 166, 167, 168, 169, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 01/2020/NQ – HĐTP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT–TANDTC–VKSNDTC–BTP–BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn L về việc “Đòi lại tài sản của dòng họ” đối với diện tích đất 94,80m² và không chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng diện tích đất 161,9m², thuộc thửa 976, tờ bản đồ số 9, tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Hoàng Thị Ngọc A và những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Huy L1 (*bà Võ Thị Thùy Tr, ông Võ Huy C1*) phải giao trả lại cho dòng họ Võ thuộc Phái nhất tộc Võ tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam diện tích đất 94,80m² và tài sản, vật kiến trúc gắn liền với diện tích đất 94,80m² thuộc thửa đất số 976, tờ bản đồ số 9 tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Dòng họ Võ thuộc Phái nhất tộc Võ tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản, vật kiến trúc gắn liền (*bao gồm cả hàng rào có chiều dài 18,43m do gia đình bị đơn đã xây dựng*) với diện tích đất 94,80m² thuộc thửa 976, tờ bản đồ số 9, tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

(*có tứ cận: mặt tiền giáp đất thuộc hành lang kênh P2 là 5,37m, mặt hậu giáp đất còn lại của thửa 976, tờ bản đồ số 9 là 5,32m, cạnh bên giáp đất còn lại của thửa 976, tờ bản đồ số 9 là 17,78m, cạnh còn lại giáp đất bà Võ Thị B2 là 18,43m; loại đất, kích thước các cạnh được thể hiện theo bản vẽ đính kèm bản án*)

Quyền sử dụng đất và tài sản, vật kiến trúc trên diện tích 94,80m² đất của dòng họ Võ thuộc Phái nhất tộc Võ tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam được giao thuộc vụ án này là tài sản chung hợp nhất không phân chia.

3. Ông Võ Văn L phải hoàn trả cho bà Hoàng Thị Ngọc A giá trị tiền san ủi, tôn tạo đất và hàng rào 18,43m do gia đình bị đơn đã xây dựng, với số tiền là 25.430.000 đồng (*hai mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng y*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp cho ông Võ Huy L1 và bà Hoàng Thị Ngọc A số BX 300596 ngày 26 tháng 11 năm 2015 về nội dung liên quan đến diện tích đất 94,80m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của Phái nhất tộc Võ tại thôn H4 trong thửa đất số 976, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích 256,7m², tại thôn H4, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Ngọc A không phải chịu.

6. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT II);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh